TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 61/2025/DS-PT
Ngày 18 - 02 - 2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Ninh Quang Thế

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 547/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 404/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh K, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số H - P, khóm C, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Quốc T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số B- P, Khóm E, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản uỷ quyền ngày 03 tháng 11 năm 2022, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của của bị đơn: Ông Trần Nhật L, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản uỷ quyền ngày 21 tháng 10 năm 2024, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1984 (vắng mặt);

3. Ông Lê Trung H, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số H P, Khóm C, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà D, ông H: Ông Cao Quốc T, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Số B - P, Khóm E, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản uỷ quyền ngày 25 tháng 11 năm 2022, có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của của bà D1: Ông Trần Nhật L, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản uỷ quyền ngày 21 tháng 10 năm 2024, có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Văn T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Cao Quốc T trình bày:

Vào năm 1995 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C đã thông qua chính quyền ấp B và Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, phát mãi phần đất của vợ chồng ông Phan Văn V, bà Nguyễn Thị Ú (Hết) tọa lạc ấp B, xã T, huyện C do vợ chồng ông V nợ Ngân hàng nhưng bỏ địa phương đi không liên hệ được. Ông Lê Thanh K đã mua được phần đất nên trên, thời điểm đó xác định là 05 công tầm 3m nhưng không đo đạc cụ thể.

Sau khi mua được đất, ông K canh tác liên tục đến ngày 10/02/2002 ông K mang giấy tờ đến Ủy ban nhân dân xã T thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đường đi ông K có đánh rơi mất giấy tờ nên đã báo Công an xã T cơ sở. Ông K tiếp tục canh tác đến năm 2009 thì lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc này, bà Nguyễn Thị Ú (Hết) trở về địa phương yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn C giải quyết việc ông Phan Văn H1 (là anh ruột của ông V) lấy đất của vợ chồng bà bán cho ông K nhằm chiếm đoạt tài sản. Ngày 07/10/2010 Ủy ban nhân dân thị trấn C tổ chức hòa giải kết luận không có việc ông H1 tự ý lấy đất của vợ chồng ông V bán cho ông K mà do Ngân hàng phát mãi tài sản vì vợ chồng ông V nợ Ngân hàng mà bỏ địa phương đi.

Năm 2011, ông Phan Văn V lập Giấy ủy quyền cho vợ chồng Nguyễn Thị Ú (Hết) về Cà Mau giải quyết việc sang tên đất cho ông K, ông K có hỗ trợ thêm cho vợ chồng ông V số tiền 40.000.000đ thành quả lao động để bà Ú xác nhận cho ông K được đăng ký Quyền sử dụng đất. Ngày 29/7/2011 ông K đã bàn giao đủ cho bà Ú số tiền 40.000.000đ và bà Ú đã ký xác nhận cho ông K.

Năm 2011, vợ chồng ông K, bà Q (đã chết) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền

với đất số BG 218653 thửa số 53, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.018,2m2 tọa lạc ấp B, xã T, huyện C. Ngày 6/6/2012 vợ ông K là bà Q chết, ông K đã đăng ký biến động sang tên ngày 08/9/2017.

Sau khi được cấp quyền sử dụng và sở hữu, vì việc kinh doanh của ông K tại thành phố C bận rộn nên cho em ruột là Lê Văn T1 (Lúc này đang sống cùng cha ruột ông K, ở cạnh phần đất nêu trên) mượn canh tác. Năm 2019, ông K bị bệnh tai biến, không còn khả năng kinh doanh nên báo cho ông T1 trả đất để ông về quê sinh sống thì ông T1 không đồng ý trả đất. Từ đó anh em ông K xảy ra tranh chấp cho đến nay. Nay, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Văn T1 trả lại cho ông K phần đất tại thửa số 53, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.018,2m2 tọa lạc ấp B, xã T, huyện C.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Cao Quốc T yêu cầu ông Lê Văn T1 trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 5.859,7 m^2.

Bị đơn, ông Lê Văn T1 trình bày:

Ông không thống nhất theo nội dung khởi kiện của ông Lê Thanh K, bởi lẽ ông K không có giấy bán phát mãi đất của Ngân hàng mà chỉ có tờ cớ mấy giấy tờ là làm được quyền sử dụng đất. Địa phương có liên hệ Ngân hàng xác minh là có phát mãi phần đất nói trên cho ông K hay chỉ là nghe lời nói từ ông K mà địa phương đã xác thực có giấy tờ bán phát mãi của Ngân hàng là đúng thực tế. Ông K nói từ năm 1995 đến năm 2010 ông K quản lý phần đất ông đang ở và canh tác là không đúng. Vì gia đình ông mới là người quản lý, sử dụng, canh tác từ năm 1995 đến nay, không có tranh chấp với ai, chỉ phát sinh tranh chấp khi ông K khởi kiện. Phần xác nhận của anh, em (là ông Phan Văn H1) là anh ruột của chủ đất bị bán phát mãi có địa phương xác nhận thì ông K không có hỏi mua mà chỉ có cha ông hỏi mua (Giấy này ông K cung cấp cho Tòa). Như vậy, cha ông là người mua đất chứ không phải ông K. Toàn bộ phần đất tranh chấp từ trước đến nay đều do ông và cha ông quản lý, sử dụng, khi cha ông chết thì ông là người quản lý, sử dụng. Do đó yêu cầu hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp có diện tích 6.018,2m2 thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau do ông K đứng tên Giấy chứng nhận.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/12/2022, ông T1 trình bày ông là người quản lý phần đất tranh chấp từ năm 1994 đến nay. Nguyên nhân là vào năm 1993, bà Nguyễn Thị Ú (Hết) và ông Nguyễn Văn V1 vay 04 lượng vàng của ông, không có làm biên nhận. Đến năm 1994 thì bà Ú và ông V1 không trả vàng cho ông và bỏ địa phương đi nên ông được ông Phan Văn R (đã chết) là em của bà Ú, ông V1 đo đất của ông V1, bà Ú giao cho ông 5.000m2 để ông canh tác trừ nợ là 04 cây vàng 24k chứ ông không có mượn đất của ông K. Khi ông R giao đất cho ông thì không có làm giấy tờ và có chính quyền địa phương đo đạc là ông T2 (đã chết), ông L1 (đã chết). Việc bà Ú có quay về địa phương và yêu cầu hòa giải tranh chấp đất, nhận tiền của ông K thì ông không hề hay biết. Việc ông K ký hợp đồng đo đạc và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông cũng không biết. Ông chỉ nhận 5.000m2 đất từ bà Ú, ông V1 canh tác trừ nợ. Trên đất không có công

trình kiến trúc xây dựng và cây trồng lâu năm. Ông không có chứng cứ chứng minh ông V1, bà Ú nợ ông 04 lượng vàng 24k và việc ông R có đo đạc, giao đất cho ông quản lý, canh tác để trừ nợ là số vàng nêu trên. Nếu ông K mua tài sản phát mãi hợp pháp từ Ngân hàng và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K có đo đạc, đúng trình tự quy định pháp luật thì ông đồng ý trả đất lại cho ông K, ông không yêu cầu giá trị cải tạo đất và cây trồng trên đất.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Kiều D, ông Lê Trung H là ông Cao Quốc T trình bày: Thống nhất toàn bộ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Thanh K đối với ông Lê Văn T1 về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

Buộc ông Lê Văn T1 cùng vợ là bà Nguyễn Thị D1 phải trả lại toàn bộ phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 5.859,7m^2 (Điểm M1, M2, M3, M4), thửa số 53, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính năm 2017), tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 218653 năm 2011 (Đã điều chỉnh trang 4 cho ông Lê Thanh K năm 2017). Phần đất có vị trí, tứ cận kèm theo.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Lê Văn T1 về việc: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp có diện tích 6.018,2m^2 thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau do ông Lê Thanh K đứng tên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/10/2024, ông Lê Văn T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu huỷ bản án dân sự sơ thẩm để làm rõ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T1, bà D1 là ông Trần Nhật L tranh luận: Ông đã có văn bản ghi ý kiến ngày 15 tháng 01 năm 2025 gửi đến Toà. Nay, ông không tranh luận gì thêm.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông K, bà D, ông H tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 177/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội

đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 177/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Lê Văn T1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Phan Văn V, bà Nguyễn Thị Ú (Hết). Xét trình bày của ông T1: Tại Biên bản hòa giải ngày 06 tháng 12 năm 2022, ông T1 trình bày năm 1993, ông V, bà Ú vay của ông T1 4 lượng vàng nhưng sau đó bỏ địa phương đi nên ông được ông Phan Văn R1 (đã chết) là em của bà Ú, ông V đo đất của ông V, bà Ú giao cho ông để trừ nợ. Tại Đơn yêu cầu phản tố ngày 02 tháng 3 năm 2023, ông T1 cho rằng, cha ông T1 là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứ không phải ông K. Các trình bày này của ông T1 không có chứng cứ chứng minh. Ông Lê Thanh K cho rằng, ông K nhận chuyển nhượng từ việc Ngân hàng N thông qua Ủy ban nhân dân xã T, huyện C phát mãi đất của ông Phan Văn V, bà Nguyễn Thị Ú năm 1995. Năm 2011, ông Phan Văn V lập giấy uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Ú về Cà Mau giải quyết việc sang đất cho ông K, ông K hỗ trợ thêm cho ông V, bà Ú thêm 40.000.000 đồng. Ngày 29 tháng 7 năm 2011, ông K đã giao đủ cho bà Ú số tiền 40.000.000 đồng và bà Ú đã ký xác nhận cho ông K. Ngày 07 tháng 10 năm 2011, ông K, bà Q được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà Q (BL 114 – 136) thể hiện: Tại Biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C với bà Nguyễn Thị Ú là vợ ông Phan Văn V đồng ý ký hồ sơ và thủ tục cho ông K đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 53, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.018,2 m^2 (BL 114). Tại Biên bản thoả thuận ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C có nội dung: Thời điểm năm 1993, vợ chồng ông Phan Văn V có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp huyện C. Sau đó, vì làm ăn thất bại, vợ chồng ông V, bà Ú bỏ đi xứ khác làm ăn. Đến năm 1995, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C đã thông qua chính quyền ấp B và Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, phát mãi phần đất của vợ chồng ông Phan Văn V, bà Nguyễn Thị Ú (Hết) cho ông K và ông K sử dụng ổn định đến nay không ai tranh chấp. Bà Nguyễn Thị Ú được ông V uỷ quyền thống nhất việc phát mãi tài sản của Ngân hàng Nông nghiệp huyện C và đồng ý ký tên thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà Q. Ông K đồng ý hỗ trợ 40.000.000 đồng thành quả lao động cho ông V, bà Ú (BL 115). Như vậy, thực tế phần đất tranh chấp vào năm 1995, Ngân hàng N đã phát mãi chuyển nhượng cho ông K. Đến ngày 29 tháng 7 năm 2011, bà Ú, ông V thống nhất ký tên để cho ông K làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà Q. Do đó, ông K trình bày, ông K nhận chuyển nhượng đất từ việc phát mãi của Ngân hàng N là có cơ sở.

[3] Tại Biên bản xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, bà Lê Thị Âu L2 em của ông K và ông T1 xác nhận: Trước đây không nhớ rõ thời gian, ông K có nhận chuyển nhượng phần đất của ông V do Ngân hàng N chi nhánh huyện C phát mãi để thu hồi nợ đối với ông V. Phần đất ông K mua của ông V hiện nay ngay vị trí ông K tranh chấp với ông T1, do ông T1 đang quản lý canh tác. Tại Biên bản xác minh đo đạc diện tích đất ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C có sự chứng kiến, xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C có nội dung: Đo đạc phần đất trước đây ông K mua lại từ Ngân hàng Nông nghiệp phát mãi tài sản của ông Phan Văn V có vị trí tứ cận: Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Văn B; Hướng tây giáp lộ bê tông; Hướng Nam giáp phần đất ông T1; Hướng bắc giáp đất ông Phan Văn Ú1. Ông Lê Văn T1 có ký tên xác nhận giáp ranh vào biên bản (BL 117, 118). Như vậy, chính ông T1 là người có phần đất giáp ranh đã ký tên chứng kiến giáp ranh cho ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, mặc dù không có văn bản chứng minh việc ông K cho ông T1 mượn đất nhưng qua việc xác nhận của bà Lê Thị Â và việc ký giáp ranh của ông T1 cho ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thể hiện ông T1, bà Â thừa nhận phần đất tranh chấp là của ông K. Thực tế, ngày 29 tháng 8 năm 2011, ông K, bà Hồ Thị Q đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bà Hồ Thị Q chết ngày 06 tháng 6 năm 2017, những người thừa kế của bà Q là ông Lê Thanh K (chồng), ông Lê Trung H (con) và bà Lê Thị Kiều D (con) cùng thống nhất tặng cho phần tài sản thừa kế mình được hưởng cho ông K nên phần đất tranh chấp đã được chuyển tên cho ông K. Như vậy, ông K có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp nên ông K kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất đối với ông T1 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T1.

[4] Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của ông T1 yêu cầu huỷ án sơ là không có căn cứ như nhận định tại đoạn [2] và đoạn [3].

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T1 là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên được miễn nộp theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Thanh K đối với ông Lê Văn T1 về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

Buộc ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị D1 phải trả lại cho ông Lê Thanh K toàn bộ phần đất (M1M2M3M4) có diện tích theo đo đạc thực tế là 5.859,7m^2, thuộc thửa số 53 tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính năm 2017), tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 218653 năm 2011 (đã được điều chỉnh trang 4 chuyển tên cho ông Lê Thanh K năm 2017). Phần đất có vị trí, tứ cận như sau:

+ Phía đông cạnh M2M3 dài 53, 99m;

+ Phía tây cạnh M1M4 dài 64,51m;

+ Phía nam M3M4 dài 89,93m;

+ Phía bắc cạnh M4M1 dài 114,12m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Lê Văn T1 về việc: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp có diện tích 6.018,2m^2 thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau do ông Lê Thanh K đứng tên.

3. Về chi phí đo đạc, định giá và trích lục hồ sơ số tiền là 18.680.000 đồng: Buộc ông Lê Văn T1 phải chịu toàn bộ. Ông Lê Thanh K đã nộp số tiền trên nên ông Lê Văn T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lê Thanh K số tiền 18.680.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh K không phải chịu án phí. Ông Lê Văn T1 phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng và 300.000 đồng đối với yêu cầu phản tố bị đình chỉ. Ngày 05/10/2023, ông T1 có dự nộp số tiền tạm ứng là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009552 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được đối trừ; ông Lê Văn T1 còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T1 được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung